

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.418.725.406 ✓	365.632.445.125
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	107.703.568.059	72.680.252.029
Tiền	111		43.300.594.379	8.002.721.513
Các khoản tương đương tiền	112		64.402.973.680	64.677.530.516
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.153.371.312	204.351.609.658
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	140.157.480.533	169.511.991.457
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.831.385.201	11.875.697.674
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4a	8.106.630.137	11.106.630.137
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	23.326.551.505	25.883.679.449
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(14.268.676.064)	(14.026.389.059)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		81.334.111.307	87.461.873.840
Hàng tồn kho	141	5.7	81.334.111.307	87.461.873.840
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.227.674.728	1.138.709.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	134.228.535	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.059.578.533	1.116.614.319
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15a	33.867.660	22.095.279
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.753.368.324	295.526.163.009
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.690.324.299	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4b	2.662.324.299	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	28.000.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		50.298.640.372	52.501.317.310
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	50.287.440.359	52.485.317.300
- Nguyên giá	222		73.569.473.437	72.824.103.067
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.282.033.078)	(20.338.785.767)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	11.200.013	16.000.010
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.799.987)	(15.999.990)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		176.934.844.037	121.815.868.449
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.11	176.934.844.037	121.815.868.449
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.749.777.521	119.780.949.866
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	119.749.777.521	119.780.949.866
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.079.782.095	1.428.027.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	1.079.782.095	1.428.027.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		706.172.093.730	661.158.608.134

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
NỢ PHẢI TRẢ	300		150.010.887.086	173.163.067.495
Nợ ngắn hạn	310		150.010.887.086	173.163.067.495
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	55.384.658.379	47.313.431.153
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	32.593.958.155	59.998.272.743
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15b	8.984.971.542	2.891.201.944
Phải trả người lao động	314		2.991.830.611	4.152.241.905
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.362.742.911	18.385.981.161
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	45.244.050.196	34.863.092.722
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	3.448.675.292	5.558.845.867
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		556.161.206.644	487.995.540.639
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	556.161.206.644	487.995.540.639
Vốn góp của chủ sở hữu	411		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		101.730.662.124	78.943.725.571
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.943.725.571	67.951.378.078
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.786.936.553	10.992.347.493
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52.372.937.720	6.994.208.268
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		706.172.093.730	661.158.608.134

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024	Quý III Năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	6.1	70.297.509.141	291.183.802.630	29.170.667.802	174.075.085.203
Các khoản giảm trừ doanh thu		02		661.767.990	661.767.990	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	6.1	69.635.741.151	290.522.034.640	29.170.667.802	174.075.085.203
Giá vốn hàng bán		11	6.2	59.762.725.698	244.627.135.674	22.249.449.936	141.188.492.762
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		9.873.015.453	45.894.898.966	6.921.217.866	32.886.592.441
Doanh thu hoạt động tài chính		21	6.3	485.166.023	1.538.000.120	809.194.180	2.607.498.737
Chi phí tài chính		22	6.4	172.877.662	278.853.367	151.559.417	807.569.948
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23		172.877.662	239.923.468	138.143.046	747.993.219
<i>Phản lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết</i>		24		(6.884.666)	(31.172.348)	-	(16.233.180)
Chi phí bán hàng		25	6.5	(1.326.080.302)	(1.687.893.764)	160.821.101	1.179.282.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	6.6	6.153.235.073	19.752.205.533	6.991.047.961	22.628.239.353
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		5.351.264.377	29.058.561.602	426.983.567	10.862.766.638
Thu nhập khác		31	6.7	78.175.768	398.667.112	401.469.225	1.451.447.485
Chi phí khác		32	6.8	27.006.232	433.085.715	36.611.974	567.687.082
Lợi nhuận khác		40		51.169.536	(34.418.603)	364.857.251	883.760.403
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		5.402.433.913	29.024.142.999	791.840.818	11.746.527.041
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	6.9	1.006.491.029	5.858.476.994	264.323.796	2.728.021.614
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		60		4.395.942.884	23.165.666.005	527.517.022	9.018.505.427
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		61		4.088.580.205	22.786.936.553	551.052.987	8.968.507.623
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62		307.362.679	378.729.452	(23.535.970)	49.997.804
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	6.10	101	561	14	221
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		71		101	561	14	221

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ đầu năm đến 30/09/2024	Từ đầu năm đến 30/09/2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	29.024.142.999	11.746.527.041
Điều chỉnh cho các khoản		-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.948.047.308	2.823.642.677
- Các khoản dự phòng	03	(1.867.883.570)	2.292.057.480
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(13.416.376)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.072.406.898)	(2.297.413.173)
- Chi phí lãi vay	06	239.923.468	807.569.948
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	64.003.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.271.823.307	15.422.970.898
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	48.975.529.270	3.148.351.322
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.127.762.533	35.011.742.056
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(44.136.922.543)	52.031.495.010
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	214.016.754	1.230.041.332
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(239.923.468)	(962.090.496)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.497.254.640)	(5.881.743.766)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.715.031.213	100.000.766.356
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(117.916.302.361)	(31.184.960.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	58.221.530.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.762.324.299)	(32.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.100.000.000	36.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.890.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.072.406.898	2.390.233.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.284.689.762)	(35.684.726.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2024

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ đầu năm đến 30/09/2024	Từ đầu năm đến 30/09/2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	44.112.017.105	11.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	120.207.514.139	99.019.565.753
Tiền trả nợ gốc vay	34	(108.726.556.665)	(145.917.311.837)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.592.974.579	(35.897.746.084)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	35.023.316.030	28.418.293.919
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	72.680.252.029	62.533.121.724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	107.703.568.059	90.951.415.643

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 23 (lần gần nhất) ngày 16 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 406.448.300.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Thôn Thọ Bình – Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

Tổng số các công ty con: 05 (năm) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 (năm) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Kinh doanh bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng	99,00%	99,00%
Công ty TNHH ĐT HVC và Hòa Bình	Xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Kinh doanh bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng	70,00%	70,00%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất trên báo cáo kết quả kinh doanh

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.	Xây dựng nhà để ở	44,00%	45,00%

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 30/09/2024 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00% (tại ngày 31/12/2023 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00%).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và năm công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”); Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill (“Công ty con”); Công ty TNHH ĐT HVC và Hồ Gươm Hòa Bình (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý III năm 2024 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong quý 3 năm 2024 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành đối với các công trình thi công lắp đặt được xét theo từng công trình, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 8%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	2.973.912.861	607.083.264
Tiền gửi ngân hàng	40.326.681.518	7.395.638.249
Các khoản tương đương tiền (i)	64.402.973.680	64.677.530.516
Cộng	107.703.568.059	72.680.252.029

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất 2,7%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần ADEMAX	22.568.967.346	-
- Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes	21.509.040.993	70.922.507.344
- Công ty Cổ phần bể bơi thông minh Spool	15.634.574.770	29.484.574.770
- Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	15.063.860.576	11.290.707.879
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- Công ty TNHH Delta-Valley Bình Thuận	8.118.447.924	8.118.447.924
- Chi nhánh Nghệ An – Công ty cổ phần Vinpearl	2.063.095.082	-
- Công ty cổ phần Vinpearl Cửa Hội	5.043.123.483	-
- Các khách hàng khác	40.556.370.359	40.095.753.540
Cộng	140.157.480.533	169.511.991.457

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
Trả trước người bán là bên thứ ba	6.831.385.201	11.875.697.674
Công ty cổ phần Gia Phú Capital Việt Nam	3.072.315.208	7.457.989.728
Các nhà cung cấp khác	3.759.069.993	4.417.707.946
Cộng	6.831.385.201	11.875.697.674

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.4 a . Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Nguyễn Việt Thắng	8.106.630.137	-	11.106.630.137	-
Cộng	8.106.630.137	-	11.106.630.137	-

Khoản tiền cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay ngày 15 tháng 02 năm 2023 và có tài sản đảm bảo là 10% vốn điều lệ của ông Nguyễn Việt Thắng sở hữu tại công ty TNHH Sông Thao. Ngày 02/10/2023 công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại công ty TNHH Sông Thao của ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng 11.106.630.137đ. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng.

b . Phải thu về cho vay dài hạn

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần tập đoàn DANKO	2.662.324.299	-	-	-
Cộng	2.662.324.299	-	-	-

Khoản cho Công ty cổ phần tập đoàn DanKo vay với thời hạn 18 tháng kể từ ngày 20/06/2024 với lãi suất 7%/ năm

5.5 a. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	-	-	38.380.000	-
- Ký cược ký quỹ ngân hàng	3.414.361	-	4.050.907.065	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	28.300.000	-	10.000.000	-
- Công ty cổ phần Novareal (i)	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-
- Lãi dự thu tiền gửi	-	-	33.833.612	-
- Tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu (ii)	1.380.000.900	-	1.380.000.900	-
- Phải thu khác	1.575.837.080	-	31.558.708	-
Cộng	23.326.551.505	-	25.883.679.449	-

(i) Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận số VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC ngày 28/03/2023, công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi bên công ty cổ phần Novareal là "Chủ đầu tư dự án Khu nhà ở diện tích 4.2777 ha, tại Phường Thạnh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức" đủ điều kiện bán Bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

(ii) Kỳ quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Theo công văn số 897/STC-GCN&DN ngày 02/08/2022 của Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên, số tiền kỳ quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp sau khi công ty TNHH HVC Hưng Yên đáp ứng được các điều kiện hoàn trả theo quy định tại điều 26 ND số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

b. Phải thu dài hạn khác:

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền đặt cọc văn phòng HCM	28.000.000	-	-	-
Cộng	28.000.000	-	-	-

5.6 Nợ xấu

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	18.795.712.071	4.527.036.007	16.781.612.071	2.755.223.012
Từ 03 năm trở lên				
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Milton	435.848.744	-	435.848.744	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	-	9.600.000.000	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	648.224.987	-	648.224.987	-
Từ 02 đến dưới 03 năm				
- Công ty cổ phần đầu tư Rivera	629.241.493	188.772.448	629.241.493	188.772.448
Từ 01 đến dưới 02 năm				
- Công ty cổ phần du lịch Mỹ An	1.068.107.549	534.053.775	5.054.007.549	2.527.003.775
- Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	6.000.000.000	3.750.000.000	-	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	131.489.298	54.209.784	131.489.298	39.446.789

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Quý III năm 2024 (VNĐ)	Quý III năm 2023 (VNĐ)
Số đầu năm	14.026.389.059	11.064.479.282
Trích lập dự phòng trong năm	3.000.000.000	1.830.823.011
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.757.712.995)	
Số cuối năm	14.268.676.064	12.895.302.293

5.7 Hàng tồn kho

	30/09/2024 (VNĐ)		01/01/2024 (VNĐ)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.875.346.876	-	5.883.950.429	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.115.072.603	-	65.722.124.345	-
- Hàng hóa	28.343.691.828	-	15.855.799.066	-
Cộng	81.334.111.307	-	87.461.873.840	-

5.8 a . Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2024 (VNĐ)	Tăng trong năm (VNĐ)	Phân bổ chi phí trong năm (VNĐ)	30/09/2024 (VNĐ)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	142.945.246	8.716.711	134.228.535
Cộng	-	142.945.246	8.716.711	134.228.535

b . Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2024 (VNĐ)	Tăng trong năm (VNĐ)	Phân bổ chi phí trong năm (VNĐ)	30/09/2024 (VNĐ)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.428.027.384	-	339.528.578	1.079.782.095
Cộng	1.428.027.384	-	339.528.578	1.079.782.095

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2024	55.148.627.525	11.783.657.933	4.863.680.673	1.028.136.936	72.824.103.067
Mua trong năm	-	745.370.370	-	-	745.370.370
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
30/09/2024	55.148.627.525	12.529.028.303	4.863.680.673	1.028.136.936	73.569.473.437
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.333.400.046	312.675.200	1.234.932.727	127.000.000	3.008.007.973
Giá trị hao mòn					
01/01/2024	12.917.963.060	4.355.661.491	2.528.072.990	537.088.226	20.338.785.767
Khấu hao trong kỳ	1.743.503.591	740.780.548	377.534.034	81.429.138	2.943.247.311
30/09/2024	14.661.466.651	5.096.442.039	2.905.607.024	618.517.364	23.282.033.078
Giá trị còn lại					
01/01/2024	42.230.664.465	7.427.996.442	2.335.607.683	491.048.710	52.485.317.300
30/09/2024	40.487.160.874	7.432.586.264	1.958.073.649	409.619.572	50.287.440.359

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2024	32.000.000	15.999.990	16.000.010
Tăng trong năm	-	4.799.997	-
Giảm trong năm	-	-	-
30/09/2024	32.000.000	20.799.987	11.200.013

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
- Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	176.934.844.037	121.815.868.449
Cộng	176.934.844.037	121.815.868.449

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	01/01/2024	Đầu tư mới trong năm	Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm	30/09/2024
	(VND)			(VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành	119.780.949.866	-	(31.172.344)	119.749.777.522
Cộng	119.780.949.866	-	(31.172.344)	119.749.777.522

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	30/09/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	44,00%	45,00%	119.749.777.522	44,00%	45,00%	119.780.949.866
Cộng			119.749.777.522			119.780.949.866

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 30/09/2024 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00%.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Thương mại vật liệu điện Nam Hà Nội	21.465.413.871	21.465.413.871	180.880.401	180.880.401
- Công ty TNHH TMDV kỹ thuật Minh Nghi	6.762.698.708	6.762.698.708	-	-
- Công ty TNHH đầu tư TM Gia Vinh	3.415.547.866	3.415.547.866	7.088.282.944	7.088.282.944
- Công ty cổ phần Lê Bảo Khánh	2.349.364.014	2.349.364.014	-	-
- YIXING SEA FOUNTAIN EQUIPMENT CO.,LTD	1.210.664.592	1.210.664.592	1.210.664.592	1.210.664.592
- Công ty TNHH SX-TM-ĐT- XD Hải Hà	2.048.045.307	2.048.045.307	1.736.346.971	1.736.346.971
- Công ty TNHH TM dịch vụ xây dựng Lê Nguyên Thảo	682.270.390	682.270.390	682.270.390	682.270.390
- Công ty TNHH xây lắp cơ điện HTT	618.380.173	618.380.173	618.380.173	618.380.173
- CTCP Van Shin Yi	179.595.209	179.595.209	309.382.959	309.382.959
- CTCP Confitech số 9	455.582.572	455.582.572	615.706.349	615.706.349
- Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Thương mại HD M&E	434.755.258	434.755.258	451.555.258	451.555.258
- CT TNHH Vật liệu điện Duy Tân	3.094.183.704	3.094.183.704	3.170.205.364	3.170.205.364
- Các nhà cung cấp khác	12.668.156.715	12.668.156.715	31.249.755.752	31.249.755.752
Cộng	55.384.658.379	55.384.658.379	47.313.431.153	47.313.431.153

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Các khách hàng là bên thứ ba	32.593.958.155	59.998.272.743
- Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	9.825.700.805	8.732.451.010
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc	7.266.166.287	7.008.630.950
- Công ty TNHH KT xây dựng Đồng Phong (VN)	9.006.926.301	38.624.204.540
- Công ty CP đầu tư và PT Vận Tải	3.184.629.910	-
- Các khách hàng khác	3.310.534.852	5.632.986.243
Cộng	32.593.958.155	59.998.272.743

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	-	22.095.279
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.023.279
- Thuế Giá trị gia tăng	-	72.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	33.867.660	
- Thuế Giá trị gia tăng	8.395.623	
- Thuế Thu nhập cá nhân	25.472.037	
Cộng	33.867.660	22.095.279

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	5.647.383.715	5.647.383.715	2.229.520.460	2.229.520.460
- Thuế giá trị gia tăng	1.684.798.673	1.684.798.673	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.962.585.042	3.962.585.042	2.195.561.335	2.195.561.335
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	33.959.125	33.959.125
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	566.829.812	566.829.812	41.825	41.825
- Thuế thu nhập cá nhân	456.475	268.258.846	41.825	41.825
- Thuế giá trị gia tăng	268.258.846	298.114.491	-	-
- Thuế TNDN	298.114.491	298.114.491	-	-
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	154.569.836	154.569.836	238.762.245	238.762.245
- Thuế TNDN	153.363.868	153.363.868	238.762.245	238.762.245
- Thuế giá trị gia tăng	1.205.968	1.205.968		
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	2.598.709.627	2.598.709.627	415.599.499	415.599.499
- Thuế giá trị gia tăng	774.530.884	774.530.884	145.445.903	145.445.903
- Thuế TNDN	1.610.711.740	1.610.711.740	256.953.123	256.953.123
- Thuế thu nhập cá nhân	213.467.003	213.467.003	13.200.473	13.200.473
Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill	-	-	7.277.915	7.277.915
- Thuế TNDN	-	-	7.277.915	7.277.915
Công ty TNHH ĐT Hòa Bình	17.478.552	17.478.552	-	-
- Thuế TNDN	12.978.552	12.978.552	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.500.000	4.500.000		
Cộng	8.984.971.542	8.984.971.542	2.891.201.944	2.891.201.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm	-	18.131.186.841
- Các khoản phải trả khác	1.362.742.911	254.794.320
Cộng	1.362.742.911	18.385.981.161

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn – Ngân hàng techcombank				
+ Hợp đồng tín dụng (i)	22.053.728.635	22.053.728.635	34.863.092.722	34.863.092.722
+ Hợp đồng hạn mức/hạn mức chiết khấu (ii)	23.190.321.561	23.190.321.561	-	-
Cộng	45.244.050.196	45.244.050.196	34.863.092.722	34.863.092.722

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09 tháng 09 năm 2014, phụ lục số HS020140019/HĐHMTD/PLHM - 1708592 ngày 05 tháng 03 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 260.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 220.000.000.000 đồng, hạn mức chiết khấu là 120.000.000.000 đồng, Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ được quy định tại đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ, thời hạn tối đa mỗi khoản vay theo quy định của Techcombank (nếu có) trong từng thời kỳ.

(ii) Hợp đồng cấp hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HSO20241708592/HDCK ngày 05/03/2024 với giá trị hạn mức là: 120.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (Từ ngày 05/03/2024 đến ngày 05/03/2025). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở. Tài sản đảm bảo là tài sản, máy móc thiết bị.

5.18 Dự phòng phải trả

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	3.448.675.292	5.558.845.867
Cộng	3.448.675.292	5.558.845.867

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2023	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	104.952.965.702	6.730.800.481	476.793.022.983
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.939.109.869	153.407.787	11.092.517.656
Trả cổ tức bằng phát hành cổ phiếu theo NQ 10/2023/HVC/NQ-HĐQT	36.948.350.000	-	-	(36.948.350.000)	-	-
Góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	110.000.000	110.000.000
31/12/2023	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	78.943.725.571	6.994.208.268	487.995.540.639
01/01/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	78.943.725.571	6.994.208.268	487.995.540.639
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	22.786.936.553	378.729.452	23.165.666.005
Góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
30/09/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	-	101.730.662.124	52.372.937.720	556.161.206.644

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	406.448.300.000	406.448.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	406.448.300.000	406.448.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Bằng tiền mặt	-	-
Bằng cổ phiếu	-	-

Cổ phiếu

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.644.830	40.644.830
- Cổ phiếu phổ thông	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.644.830	40.644.830
- Cổ phiếu phổ thông	40.644.830	40.644.830

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
Tổng doanh thu	70.297.509.141	291.183.802.630	29.170.667.802	174.075.085.203
- Doanh thu bán hàng hóa	31.267.344.926	39.099.574.077	760.645.240	34.638.512.640
- Doanh thu bán thành phẩm	3.564.982.527	7.158.077.770	7.353.415.468	14.913.223.513
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	33.823.408.015	242.048.013.859	21.056.607.094	124.523.349.050
- Doanh thu bán bất động sản đầu tư	1.641.773.673	2.878.136.924	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(661.767.990)	(661.767.990)	-	-
Doanh thu thuần	69.635.741.151	290.522.034.640	29.170.667.802	174.075.085.203

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	28.117.706.611	33.386.314.196	592.479.015	31.481.465.263
- Giá vốn bán thành phẩm	2.359.384.090	5.247.506.672	5.902.265.389	11.592.122.531
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	27.559.778.244	203.031.094.802	15.754.705.532	98.114.904.968
- Giá vốn bán bất động sản đầu tư	1.725.856.753	2.962.220.004	-	-
Tổng giá vốn	59.762.725.698	244.627.135.674	22.249.449.936	141.188.492.762

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Lãi tiền gửi	473.978.811	1.072.406.898	808.896.536	2.534.505.632
- Lãi chênh lệch tỷ giá	11.187.212	465.593.222	297.644	72.993.105
Cộng	485.166.023	1.538.000.120	809.194.180	2.607.498.737

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

6.4. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Chi phí lãi vay	172.877.662	239.923.468	138.143.046	747.993.219
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	38.929.899	13.416.371	59.576.729
Cộng	172.877.662	278.853.367	151.559.417	807.569.948

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Trích dự phòng bảo hành công trình	(1.397.260.302)	(1.854.193.764)	-	995.758.462
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.180.000	166.330.000	160.821.101	183.523.597
- Chi phí bằng tiền khác	-	-	-	-
Cộng	(1.326.080.302)	(1.687.893.764)	160.821.101	1.179.282.059

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.451.636.531	13.021.846.100	4.628.273.702	14.690.974.335
- Chi phí đồ dùng quản lý	27.007.781	221.659.995	30.297.870	374.583.787
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.263.660.287	2.664.062.609	732.196.444	2.183.331.103
- Chi phí hoàn nhập, trích lập dự phòng	(735.237.005)	257.050.000	-	1.830.823.011
- Thuế phí lệ phí	424.194.373	451.437.973	331.917.565	901.739.205
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.255.471	1.159.158.353	822.635.478	1.563.755.730
- Chi phí bằng tiền khác	546.717.635	1.976.990.503	477.726.902	1.083.032.182
Cộng	6.153.235.073	19.752.205.533	7.023.047.961	22.628.239.353

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

6.7. Thu nhập khác

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Thu nhập khác	78.175.768	398.667.112	401.469.225	1.451.447.485
Cộng	78.175.768	398.667.112	401.469.225	1.451.447.485

6.8. Chi phí khác

	Quý III năm 2024 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2024 (VND)	Quý III năm 2023 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2023 (VND)
- Chi phí khác	27.006.232	433.085.715	36.611.974	567.687.082
Cộng	27.006.232	433.085.715	36.611.974	567.687.082

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	9 tháng đầu năm 2024 (VND)	9 tháng đầu năm 2023 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.858.476.994	2.728.021.614
Cộng	5.858.476.994	2.728.021.614

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	9 tháng đầu năm 2024 (VND)	9 tháng đầu năm 2023 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	3.762.585.042	2.401.449.280
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	478.037.900	20.995.562
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC)	169.852.037	272.889.561
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park)	1.435.023.463	15.033.824
Phát sinh tại công ty con (Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill)	-	17.653.387
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH ĐT HVC và Hồ Gươm Hòa Bình)	12.978.552	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.858.476.994	2.728.021.614

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2024

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2024 (VND)	9 tháng đầu năm 2023 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.786.936.553	8.968.507.623
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.786.936.553	8.968.507.623
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	40.644.830	40.644.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	561	221

Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường